

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ 701

Họ và tên học sinh:Số báo danh:

PHẦN I (3,0 điểm). TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (gồm 12 câu, mỗi câu 0,25 điểm)

Học sinh ghi đúng 1 lựa chọn A, B, C hoặc D vào bảng trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Số hữu tỉ nào sau đây **không** là số hữu tỉ dương?

- A. $\frac{3}{4}$. B. $1\frac{2}{3}$. C. 0. D. 0,5.

Câu 2. Số đối của số hữu tỉ $\frac{-5}{7}$ là

- A. $-\frac{5}{7}$. B. $\frac{5}{7}$. C. $\frac{5}{-7}$. D. $\frac{7}{5}$.

Câu 3. Căn bậc hai số học của 9 bằng

- A. 3. B. 81. C. 3 và -3. D. 81 và -81.

Câu 4. Phân số nào dưới đây có thể viết dưới dạng số thập phân hữu hạn?

- A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{1}{9}$. C. $\frac{5}{6}$. D. $\frac{5}{4}$.

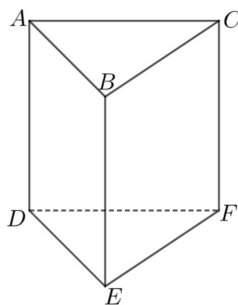
Câu 5. Giá trị của biểu thức $\left| -2 + \frac{4}{3} \right|$ bằng

- A. $-\frac{2}{3}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $-\frac{10}{3}$. D. $\frac{10}{3}$.

Câu 6. Làm tròn số $\sqrt{2}$ với độ chính xác $d = 0,05$ ta được kết quả là

- A. 1,4. B. 1,41. C. 1,414. D. 1,4142.

Câu 7. Hình lăng trụ đứng tam giác $ABC.DEF$ có bao nhiêu mặt bên?



- A. 2. B. 5. C. 3. D. 6.

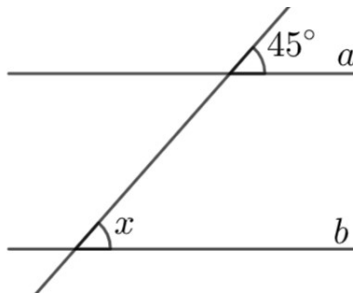
Câu 8. Thể tích của hình hộp chữ nhật có diện tích đáy bằng 10 cm^2 và chiều cao 5 cm là

- A. 100 cm^3 . B. 50 cm^3 . C. 125 cm^3 . D. 30 cm^3 .

Câu 9. Cho $\widehat{xOy} = 60^\circ$ và Ot là tia phân giác của \widehat{xOy} . Số đo \widehat{xOt} bằng

- A. 120° . B. 60° . C. 30° . D. 45° .

Câu 10. Cho hình vẽ:



Biết rằng $a // b$, giá trị của x là

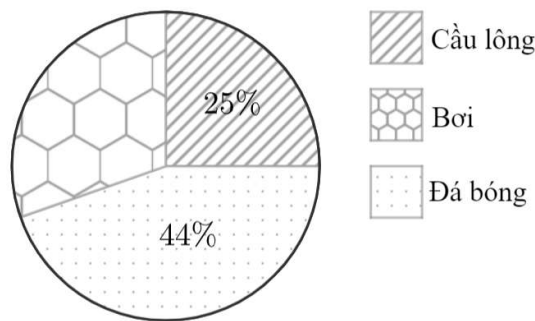
- A. 45° . B. 135° . C. 90° . D. 35° .

Câu 11. Dãy dữ liệu nào dưới đây là dữ liệu định tính?

- A. Điểm kiểm tra học kì I môn Toán của các học sinh khối 7 trường Trung học Thực hành Sài Gòn.
 B. Chiều cao (tính theo cm) của các học sinh khối 7 trường Trung học Thực hành Sài Gòn.
 C. Nhiệt độ hàng ngày của Thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 12.
 D. Danh sách các môn thể thao được học sinh trường Trung học Thực hành Sài Gòn yêu thích.

Câu 12. Cho biểu đồ hình quạt tròn:

Tỉ lệ phần trăm môn thể thao được yêu thích của học sinh lớp 7



Tỉ lệ phần trăm học sinh yêu thích môn bơi là

- A. 31%. B. 25%. C. 44%. D. 111%.

PHẦN II (7,0 điểm). TỰ LUẬN

Bài 1 (2,0 điểm)

a) Thực hiện phép tính: $\sqrt{\frac{1}{4}} - \frac{2}{3} : \frac{8}{9} + |-1|$.

b) Tìm x , biết: $\frac{2}{3}(x - 3) + \frac{1}{6} = -\frac{5}{6}$.

Bài 2 (1,0 điểm). Định mức giá điện sinh hoạt năm 2022 được tính như sau:

Số điện (kWh)	Giá bán điện (đồng/kWh)
Bậc 1: Từ 0 – 50 kWh	1678
Bậc 2: Từ 51 – 100 kWh	1734
Bậc 3: Từ 101 – 200 kWh	2014
Bậc 4: Từ 201 – 300 kWh	2536
Bậc 5: Từ 301 – 400 kWh	2834
Bậc 6: Từ 401 kWh trở lên	2927

(Nguồn: EVN – Theo QĐ648/QĐ-BCT)

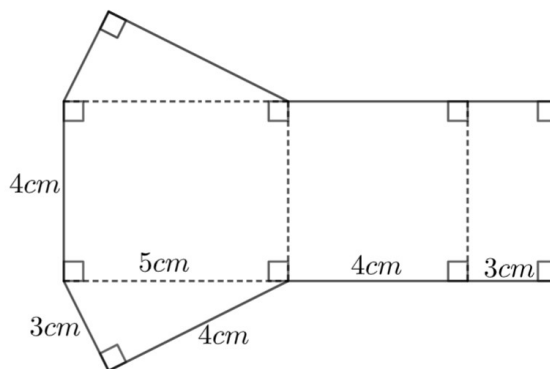
Tiền điện chưa thuế được tính như sau: Tiền điện = Số kWh tiêu thụ \times giá tiền/kWh (theo từng bậc).
 Chẳng hạn, nếu một hộ gia đình sử dụng 90 kWh điện thì 50 kWh đầu tính giá bán bậc 1, 40 kWh còn lại tính giá bán bậc 2.

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) (8%) = Tiền điện \times 8%.

Tổng cộng tiền thanh toán = Tiền điện chưa thuế + thuế GTGT.

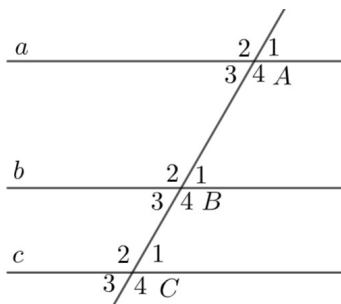
Trong tháng 11/2022, nhà bạn An sử dụng hết 140 kWh điện. Tính tiền điện đã bao gồm thuế GTGT nhà bạn An phải thanh toán (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Bài 3 (1,0 điểm). Người ta dùng một miếng bìa được cắt sẵn như hình vẽ dưới đây và gấp lại theo các đường nét đứt để tạo thành một chiếc hộp hình lăng trụ đứng.



- Chiếc hộp có đáy là hình gì?
- Tính thể tích của chiếc hộp được tạo thành sau khi gấp.

Bài 4 (1,0 điểm). Cho hình vẽ:



Biết rằng $a // b$; $b // c$ và $\widehat{A}_1 = 60^\circ$. Tính số đo \widehat{B}_1 và số đo \widehat{C}_2 .

Bài 5 (1,0 điểm). Dưới đây là bảng thống kê cho biết thành tích của một vận động viên chạy cự li 1 500 mét trong thời gian luyện tập từ tuần 1 đến tuần 5 :

Tuần	1	2	3	4	5
Thành tích (phút)	8	6	7	5	8

Hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu của bảng thống kê trên.

Bài 6 (1,0 điểm). Cho \widehat{xOy} và \widehat{yOz} là hai góc kề bù. Gọi Om , On lần lượt là tia phân giác của \widehat{xOy} và \widehat{yOz} .

a) Chứng minh $\widehat{xOm} + \widehat{nOz} = 90^\circ$.

b) Gọi H là một điểm nằm trên tia Ox , vẽ đường thẳng d vuông góc với OH tại H và cắt tia Om tại A . Chứng minh $\widehat{HAO} = \widehat{nOz}$.

 HẾT

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
701	C	B	A	D	B	A	C	B	C	A	D	A
702	B	B	C	D	C	C	D	D	A	A	A	B
703	B	B	C	C	D	A	D	A	D	C	B	A
704	C	A	A	D	B	D	C	D	C	B	B	A

PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Điểm								
1	Câu 1a (1,0 điểm). Thực hiện phép tính: $\sqrt{\frac{1}{4} - \frac{2}{3} : \frac{8}{9} + -1 }$									
	$= \frac{1}{2} - \frac{3}{4} + 1$	0,25 × 3								
	(Mỗi phép toán thực hiện đúng được 0,25 điểm)									
	$= \frac{2}{4} - \frac{3}{4} + \frac{4}{4} = \frac{3}{4}$	0,25								
	Câu 1b (1,0 điểm). $\frac{2}{3}(x - 3) + \frac{1}{6} = -\frac{5}{6}$									
	$\frac{2}{3}(x - 3) = -\frac{5}{6} - \frac{1}{6}$	0,25								
	$\frac{2}{3}(x - 3) = -1$	0,25								
2	$x - 3 = \frac{-3}{2}$	0,25								
	$x = -\frac{3}{2} + 3 = \frac{3}{2}$	0,25								
	Câu 2 (1,0 điểm). Định mức giá điện sinh hoạt năm 2022 được tính như sau:									
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Số điện (kWh)</th> <th>Giá bán điện (đồng/kWh)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bậc 1: Từ 0 – 50 kWh</td> <td>1678</td> </tr> <tr> <td>Bậc 2: Từ 51 – 100 kWh</td> <td>1734</td> </tr> <tr> <td>Bậc 3: Từ 101 – 200 kWh</td> <td>2014</td> </tr> </tbody> </table>	Số điện (kWh)	Giá bán điện (đồng/kWh)	Bậc 1: Từ 0 – 50 kWh	1678	Bậc 2: Từ 51 – 100 kWh	1734	Bậc 3: Từ 101 – 200 kWh	2014	
	Số điện (kWh)	Giá bán điện (đồng/kWh)								
Bậc 1: Từ 0 – 50 kWh	1678									
Bậc 2: Từ 51 – 100 kWh	1734									
Bậc 3: Từ 101 – 200 kWh	2014									

Bậc 4: Từ 201 – 300 kWh	2536
Bậc 5: Từ 301 – 400 kWh	2834
Bậc 6: Từ 401 kWh trở lên	2927

(Nguồn: EVN – Theo QĐ648/QĐ-BCT)

Tiền điện chưa thuế được tính như sau: Tiền điện = Số kWh tiêu thụ × giá tiền/kWh (theo từng bậc).

Chẳng hạn, nếu một hộ gia đình sử dụng 90 kWh điện thì 50 kWh đầu tính giá bán bậc 1, 40 kWh còn lại tính giá bán bậc 2.

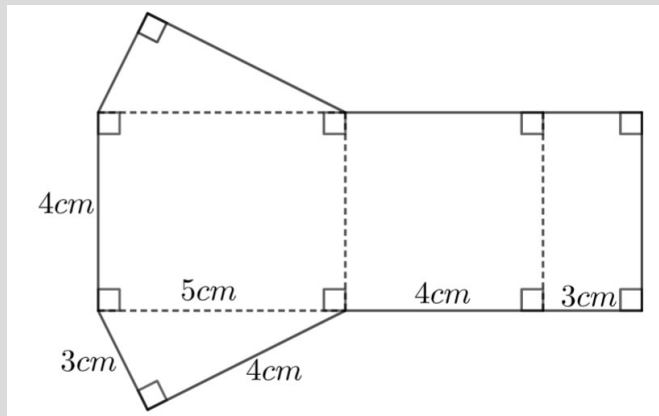
Thuế giá trị gia tăng (GTGT) (8%) = Tiền điện × 8%.

Tổng cộng tiền thanh toán = Tiền điện chưa thuế + thuế GTGT.

Trong tháng 11/2022, nhà bạn An sử dụng hết 140 kWh điện. Tính tiền điện đã bao gồm thuế GTGT nhà bạn An phải thanh toán (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Tiền điện chưa tính thuế cho 140 kWh điện là: $50.1678 + 50.1734 + 40.2014 = 251\ 160$ (đồng)	0,25
Tiền thuế GTGT là $251\ 160.8\% = 20\ 092,8$ (đồng)	0,25
Tiền điện nhà An phải thanh toán: $251\ 160 + 20\ 092,8 = 271\ 252,8 \approx 271\ 253$ (đồng)	0,5
Nếu không làm tròn hoặc làm tròn sai mất 0,25 điểm.	

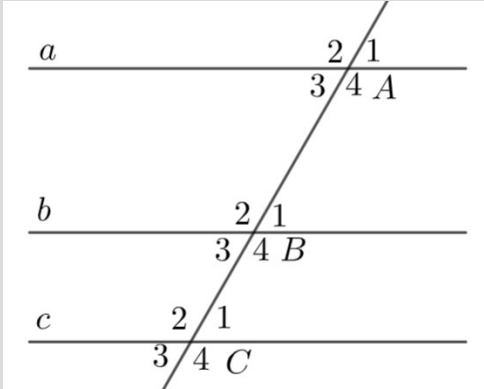
Câu 3 (1,0 điểm). Người ta dùng một miếng bìa được cắt sẵn như hình vẽ dưới đây và gấp lại theo các đường nét đứt để tạo thành một chiếc hộp hình lăng trụ đứng.



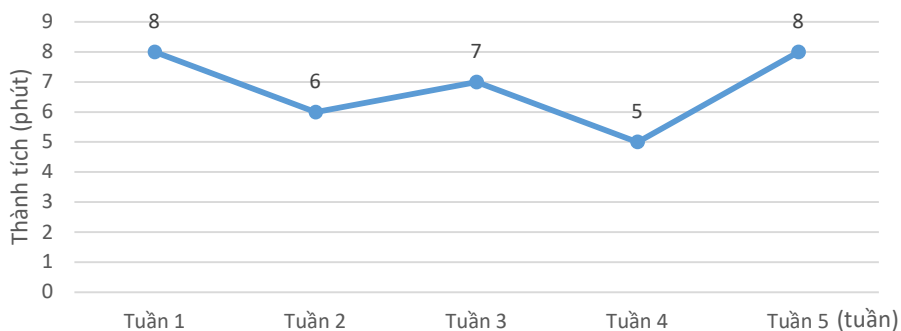
3

- Chiếc hộp có đáy là hình gì?
- Tính thể tích của chiếc hộp được tạo thành sau khi gấp?

a) Chiếc hộp có đáy là hình tam giác. Học sinh chỉ cần trả lời đúng hình tam giác là có toàn bộ điểm	0.5
Diện tích của hình tam giác là:	0.25

	$S = \frac{1}{2} \cdot 3 \cdot 4 = 6 \text{ (cm}^2\text{)}$													
	Thể tích của hình hộp lăng trụ đứng là $V = 6 \cdot 4 = 24 \text{ (cm}^3\text{)}$	0,25												
	Lưu ý : thiếu đơn vị trừ 0,25 cho toàn bộ lỗi này.													
4	<p>Câu 4 (1,0 điểm). Cho hình vẽ:</p>  <p>Biết rằng $a // b$; $b // c$ và $\widehat{A}_1 = 60^\circ$. Tính số đo \widehat{B}_1 và số đo \widehat{C}_2.</p>													
	Vì $a // b$, \widehat{A}_1 và \widehat{B}_1 ở vị trí đồng vị.	0,25												
	nên $\widehat{B}_1 = \widehat{A}_1 = 60^\circ$.	0,25												
	Vì \widehat{B}_1 và \widehat{B}_2 là hai góc kề bù nên $\widehat{B}_2 = 180^\circ - \widehat{B}_1 = 180^\circ - 60^\circ = 120^\circ$.	0,25												
	Vì $b // c$, \widehat{B}_2 và \widehat{C}_2 ở vị trí đồng vị nên $\widehat{C}_2 = \widehat{B}_2 = 120^\circ$.	0,25												
5	<p>Câu 5 (1,0 điểm). Dưới đây là bảng thống kê cho biết thành tích của một vận động viên chạy cự li 1 500 mét trong thời gian luyện tập từ tuần 1 đến tuần 5 :</p> <table border="1" data-bbox="456 1417 1265 1533"> <thead> <tr> <th>Tuần</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thành tích (phút)</td> <td>8</td> <td>6</td> <td>7</td> <td>5</td> <td>8</td> </tr> </tbody> </table> <p>Hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu của bảng thống kê trên.</p>	Tuần	1	2	3	4	5	Thành tích (phút)	8	6	7	5	8	
Tuần	1	2	3	4	5									
Thành tích (phút)	8	6	7	5	8									

Thành tích của vận động viên chạy cự li 1 500m trong 5 tuần



1,0

Yêu cầu:

- Ở trục chiều cao, cần chia đúng tỉ lệ;
- Ghi tên cho biểu đồ;
- Ghi tên và đơn vị trên trục;
- Ghi chú các giá trị số liệu tại các đầu đoạn thẳng.

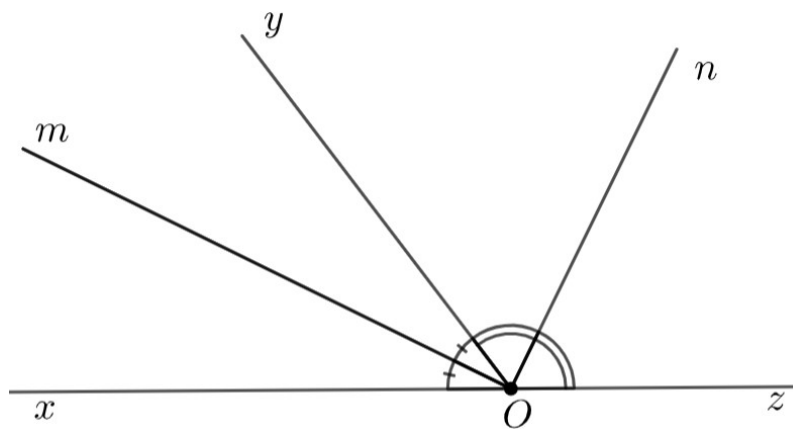
Trừ 0,25 điểm cho mỗi lỗi.

Câu 6 (1,0 điểm). Cho góc \widehat{xOy} và \widehat{yOz} là hai góc kề bù. Gọi Om , On lần lượt là tia phân giác của \widehat{xOy} và \widehat{yOz} .

6

- Chứng minh $\widehat{xOm} + \widehat{nOz} = 90^\circ$.
- Gọi H là một điểm nằm trên tia Ox , vẽ đường thẳng d vuông góc với OH tại H và cắt tia Om tại A . Chứng minh $\widehat{HAO} = \widehat{nOz}$.

Hình vẽ:

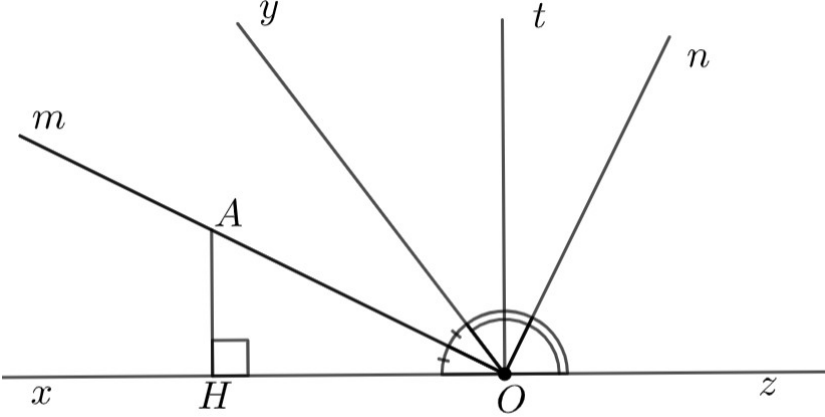


a)

Vì Om , On lần lượt là phân giác góc \widehat{xOy} , \widehat{yOz} nên

$$\widehat{xOm} = \frac{1}{2} \widehat{xOy}; \quad \widehat{nOz} = \frac{1}{2} \widehat{yOz}$$

0,25

	<p>Ta có: $\widehat{xOm} + \widehat{nOz} = \frac{1}{2}(\widehat{xOy} + \widehat{yOz}) = \frac{1}{2} \cdot 180^\circ = 90^\circ$ (do \widehat{xOy} và \widehat{yOz} là hai góc kề bù).</p>	0,25
		
b)	<p>Vẽ $Ot \parallel AH$.</p> <p>Vì $AH \parallel Ot$, \widehat{HAO} và \widehat{AOt} ở vị trí so le trong nên $\widehat{HAO} = \widehat{AOt}$ (1)</p> <p>$\widehat{nOz} + \widehat{xOm} = 90^\circ$ (2) (do câu a)</p>	0,25
	<p>Vì $AH \parallel Ot$ và $AH \perp xz$ nên $Ot \perp xz$</p> <p>Khi đó $\widehat{AOt} + \widehat{xOm} = 90^\circ$ (3).</p> <p>Từ (1), (2) và (3) suy ra $\widehat{HAO} = \widehat{nOz}$</p>	0,25

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

___HẾT___

TRƯỜNG TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GÒN
TỔ TOÁN – TIN HỌC

A- KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HK I TOÁN 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ. (13 tiết)	Nội dung 1: Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. Luỹ thừa của một số hữu tỉ	Số câu: 2 (Câu 1, 2) Điểm: (0,5 đ)		Số câu: 1 (Câu 1b) Điểm: (1,0 đ)		Số câu: 1 (Câu 2) Điểm: (1,0 đ)			25	
		Nội dung 2: Các phép tính với số hữu tỉ.									
2	Chủ đề 2: Số thực (4 tiết)	Nội dung 1: Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	Số câu: 1 (Câu 3) Điểm: (0,25 đ)							20	
		Nội dung 2: Số thực. Giá trị tuyệt đối của 1 số thực	Số câu: 2 (Câu 4, 5) Điểm: (0,5 đ)	Số câu: 1 (Câu 1a) Điểm: (1,0 đ)	Số câu: 1 (Câu 6) Điểm: (0,25 đ)						
3	Chủ đề 3: Các hình khối trong thực tiễn. (11 tiết)	Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	Số câu: 1 (Câu 8) Điểm: (0,25 đ)							15	
		Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng	Số câu: 1 (Câu 7) Điểm: (0,25 đ)				Số câu: 1 (Câu 4) Điểm: (1,0đ)				

		tứ giác.									
4	Chủ đề 4: Góc và đường thẳng song song (4 tiết)	Nội dung 1: Các góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của 1 góc	Số câu: 1 (Câu 9) Điểm: (0,25 đ)						Số câu: 1 (Câu 6) Điểm: (1,0 đ)	25	
		Nội dung 2: Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song		Số câu: 1 (Câu 10) Điểm: (0,25 đ)	Số câu: 1 (Câu 5) Điểm: (1,0 đ)						
5	Chủ đề 5: Thu thập và tổ chức dữ liệu	Nội dung 1: Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	Số câu: 2 (Câu 11, 12) Điểm: (0,5 đ)			Số câu: 1 (Câu 3) Điểm: (1,0 đ)				15	
Tổng: Số câu Điểm			Số câu: 10 Điểm: 2,5	Số câu: 1 Điểm: 1,0	Số câu: 2 Điểm: 0,5	Số câu: 3 Điểm: 3,0	Số câu: 0 Điểm: 0	Số câu: 2 Điểm: 2,0	Số câu: 0 Điểm: 0	Số câu: 1 Điểm: 1,0	100
Tỉ lệ %			35		35		20		10		100%
Tỉ lệ chung			7,0				3,0				10,0

Chú ý: Tổng tiết: **72 tiết**

Thời gian kiểm tra: Tuần 17 – Học kì I .

B- BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HKI TOÁN 7

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ						
1	Số hữu tỉ.	<p>Nội dung 1: Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.</p> <p>Nhận biết: – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.</p> <p>Thông hiểu: – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.</p> <p>Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.</p>	2 TN			
		<p>Nội dung 2: Các phép tính với số hữu tỉ.</p> <p>Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.</p> <p>Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật</p>		1TL	1TL	

			<p>lí, trong đo đạc,...).</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.</p>				
2	Số thực	<p>Nội dung 1: Số vô tỉ. Căn bậc hai số học</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>– Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.</p>	2 TN			
		<p>Nội dung 2: Số vô tỉ và số thực</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.</p> <p>– Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực.</p> <p>– Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi.</p> <p>– Nhận biết được số đối của một số thực.</p> <p>– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực.</p> <p>– Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.</p>	<p>1TN 1TL</p>	1TN		
HÌNH HỌC							

3	Các hình khối trong thực tiễn.	<p>Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.</p>	<p>Nhận biết: Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.</p> <p>Thông hiểu: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).</p>	1TN			
		<p>Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.</p>	<p>Nhận biết – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...).</p> <p>Thông hiểu – Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.</p> <p>– Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.</p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...).</p> <p>Vận dụng Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.</p>	1TN		1TL	

4	Các hình hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt.. Tia phân giác của 1 góc	<p>Nhận biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). – Nhận biết được tia phân giác của một góc. – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập 	1TN			1TL
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong. 		1TN 1TL		
		Khái niệm định lí, chứng minh một định lí	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là một định lí. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được phần chứng minh của một định lí; <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được một định lí; 				

THỐNG KÊ

5	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	<p>Thông hiểu :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn. 				
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc và mô tả được các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê: biểu đồ hình quạt tròn (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>). 	2TN	1TL		
6	Phân tích và xử lí dữ liệu	Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với 				

	<p><i>hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có</i></p>	<p>những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 7 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 7, Khoa học tự nhiên lớp 7,...) và trong thực tiễn (ví dụ: môi trường, y học, tài chính,...).</p> <p><i>Thông hiểu:</i></p> <p>– Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>).</p> <p><i>Vận dụng:</i></p> <p>– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>).</p>				
--	--	--	--	--	--	--